

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2018/HNGĐ-ST

Ngày 04-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Ngọc Ân**

2. Bà **Bùi Thanh Hà**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Tuấn Kiệt** – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

Ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Bích H** - sinh năm 1976 (*có mặt*)

2. *Bị đơn:* Ông **Âu Văn Đ** - sinh năm 1969 (*Vắng mặt*)

Cùng trú tại: 173/2 khu vực Phú Lương, phường Long Hưng, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Bích H trình bày tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Vào khoảng năm 2001, Bà với ông Âu Văn Đ quen biết nhau, sau đó hai người tự nguyện tiến đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới, nhưng có đăng ký kết hôn tại UBND phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ ngày 31/12/2002. Thời gian đầu chung sống khá H phúc, nhưng từ năm 2016 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn: do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau; mặc khác, ông Đ cũng không lo đời sống cho vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi bà H không hay biết. Vì muốn nêu kéo H phúc của vợ chồng mà bà H đã nhường nhịn từ bấy lâu nay, càng nhường nhịn thì ông Đ càng lấn lướt, đôi lúc còn đe dọa đánh đập bà. Nay bà H đã

suy nghĩ kỹ là không thể tiếp tục chung sống với ông Đ được nữa, hiện tại vợ chồng cũng đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung giữa bà với ông Đ không thể kéo dài thêm; mục đích hôn nhân của bà và ông Đ không đạt được, vì vậy bà H quyết định yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình sống chung giữa bà với ông Đ có 02 con chung: (1) Âu Anh Duy, sinh ngày 19/9/2002; (2) Âu Thị Mỹ Nhung, sinh ngày 26/4/2004, hiện tại bà H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con theo nguyện của các cháu, và không yêu cầu ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có.

Bị đơn ông Âu Văn Đ trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nguyên nhân mâu thuẫn đều khai thống nhất với lời trình bày của bà H. Tuy nhiên, ông Đ không đồng ý ly hôn xin bà H cho cơ hội để hàn gắn lại H phúc gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Bà Trần Thị Bích H và ông Âu Văn Đ tiến tới hôn nhân là tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đôi bên không tự hòa giải được, từ đó bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình và các Điều 29, 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đ có đến Tòa để tham dự hòa giải một lần, từ đó đến sau ông Đ không đến Tòa để giải quyết, kể cả các ngày xét xử, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành động viên nhiều lần để bà H suy nghĩ lại, thế nhưng bà H vẫn cương quyết xin được ly hôn. Về phía bị đơn ông Đ cho rằng vẫn còn thương vợ, nhưng trong suốt thời gian Tòa chuẩn bị xét xử, ông Đ nhiều lần không có mặt, nếu như ông Đ vẫn còn thương bà H thật sự thì ông phải có thiện chí đến Tòa để tìm cách hòa giải, đoàn tụ; mặc khác, theo như lời khai của bà H thì từ khi bà H nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Đ thường xuyên vắng mặt trong gia đình, đi đâu làm gì không rõ lý do, đồng thời ông Đ cũng không quan tâm gì đến cuộc sống vợ con. Từ đó, cho thấy những lời trình bày của ông Đ là không có cơ sở chấp nhận. Hội đồng xét xử cũng

nhận thấy sự tự nguyện hôn nhân của bà H với ông Đ là không còn, mục đích hôn nhân của các bên là không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho bà Trần Thị Bích H được ly hôn với ông Âu Văn Đ.

- *Về con chung*: Nhận thấy các cháu Âu Anh Duy và Âu Thị Mỹ Nhung hiện tại bà H đang nuôi dưỡng, khi bà H và ông Đ ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống chung với bà H, nên cần chấp nhận theo yêu cầu của bà H. Đồng thời không buộc ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H và ông Đ xác định không có, nên không đề cập xử lý.

[4]. Án phí sơ thẩm:

- Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: 3.00.000đồng. Bà Trần Thị Bích H tự nguyện chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29; 35; 39, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự và các Điều 51, 56, 107 và 110 Luật Hôn nhân Gia đình 2014;

Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*¹: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Bích H về việc xin ly hôn với ông Âu Văn Đ. Cho bà Trần Thị Bích H được ly hôn với ông Âu Văn Đ.

- *Về con chung*: Giao các cháu Âu Anh Duy, sinh ngày 19/9/2002, và Âu Thị Mỹ Nhung, sinh ngày 26/4/2004 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu. Ông Đ không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đ được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo luật định.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà H và ông Đ xác định không có, nên không đề cập xử lý.

2. Về án phí:

- *Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình*: Bà Trần Thị Bích H phải nộp 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001677 ngày 09/01/2018 tại chi cục thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. (Công nhận bà H đã nộp xong)

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết đối với bị đơn để xin Tòa án phúc thẩm xét xử lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Ô Môn.
- Chi cục Thi hành án.
- Các đương sự.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Văn Mẫn